

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”

Thực hiện Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 17/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và khả năng tiếp cận thông tin về cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) là tiền đề quan trọng để phát triển Chính quyền số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia; là nhiệm vụ cần tiến hành thường xuyên, liên tục, có trọng tâm và phù hợp với từng đối tượng, từng địa bàn, trong từng bối cảnh cụ thể.

2. Phát huy tối đa khả năng, ưu thế của các loại hình thông tin, thực hiện đa kênh, đa nền tảng trong tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn về dịch vụ công trực tuyến để người dân, doanh nghiệp biết, hiểu, tin và chuyển biến thành hành động.

3. Đa dạng hóa nội dung và hình thức tuyên truyền, phổ biến về DVCTT, trong đó chú trọng ứng dụng các công nghệ số để triển khai các hoạt động tuyên truyền chủ động, tự động, hiệu quả và bền vững.

4. Chất lượng thông tin, chất lượng hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ công và chất lượng dịch vụ là ba yếu tố quan trọng tạo nên hiệu quả của DVCTT, tác động trực tiếp đến sự hài lòng của người sử dụng dịch vụ.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của lãnh đạo các cơ quan nhà nước nhất là người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức, các tổ

chức, doanh nghiệp và người dân trong việc cung cấp và sử dụng có hiệu quả DVCTT, góp phần thực hiện nhanh tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

b) Mọi người dân đều được cung cấp thông tin, được hướng dẫn, hỗ trợ, phổ cập kiến thức và kỹ năng sử dụng DVCTT để có khả năng tự sử dụng DVCTT một cách thuận tiện, nhanh chóng, đáp ứng nhu cầu cá thể hóa; đồng thời tích cực tham gia, phản hồi để cơ quan nhà nước nâng cao chất lượng cung cấp DVCTT.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2025

- 100% lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước hằng năm được truyền thông, nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa, lợi ích của việc cung cấp và hiệu quả sử dụng DVCTT, đồng thời khuyến khích trực tiếp sử dụng DVCTT đã được cung cấp khi có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính (TTHC).

- 100% cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp tham gia thiết kế, quản trị, vận hành, khai thác sử dụng hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ công hằng năm được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cập nhật kiến thức chuyên sâu về công nghệ số, kỹ năng số.

- 100% sở, ban, ngành, địa phương hằng năm thực hiện tuyên truyền về DVCTT trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

- 100% sở, ban, ngành, địa phương đăng tải các tài liệu, video clip bảo đảm thống nhất về nội dung để hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng đối với DVCTT được cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

- 100% hệ thống thông tin cơ sở thực hiện tuyên truyền, phổ biến về cung cấp và sử dụng DVCTT phù hợp với đặc thù địa phương.

- 100% cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh xây dựng các chuyên trang/ chuyên mục/ các tuyến nội dung tuyên truyền, xây dựng, đăng tải, phát sóng hoặc xuất bản các sản phẩm truyền thông (in ấn/ nghe nhìn, sản phẩm truyền thông số) phù hợp với tôn chỉ, mục đích của cơ quan, tòa soạn để truyền thông, tuyên truyền về cung cấp và sử dụng DVCTT.

- 100% thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng hằng năm được bồi dưỡng, tập huấn nhằm cập nhật, nâng cao kiến thức và kỹ năng số để tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân về DVCTT.

- 100% TTHC đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức DVCTT toàn trình.

- 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng DVCTT được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền địa phương.

- Tối thiểu 80% hồ sơ TTHC được xử lý hoàn toàn trực tuyến.
- 50% người dân trưởng thành sử dụng DVCTT.
- Tối thiểu 90% người dân hài lòng khi sử dụng các DVCTT, trong đó mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.
- 100% ý kiến đóng góp của người dân khi sử dụng các DVCTT được cơ quan nhà nước tiếp thu công khai để cải tiến chất lượng DVCTT.
- 80% học sinh trung học phổ thông, sinh viên trên toàn quốc được phổ cập kiến thức và kỹ năng sử dụng DVCTT thông qua các hoạt động học tập, bồi dưỡng, tập huấn.

b) Mục tiêu đến năm 2030

- 100% cơ quan nhà nước, tổ chức cung cấp DVCTT liên tục cải tiến chất lượng để phục vụ người dân tốt nhất.
- 70% người dân trưởng thành sử dụng DVCTT.
- 100% học sinh trung học phổ thông, sinh viên trên toàn quốc được phổ cập kiến thức và kỹ năng sử dụng DVCTT thông qua các hoạt động học tập, bồi dưỡng, tập huấn.

III. NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN

Tập trung tuyên truyền, phổ biến những nội dung chủ yếu sau:

1. Đường lối, chủ trương của Đảng, cơ chế chính sách, các văn bản pháp luật của Nhà nước, các văn bản hướng dẫn của cơ quan nhà nước các cấp về triển khai DVCTT.
2. Vai trò, ý nghĩa và lợi ích khi sử dụng DVCTT. Các quy trình, thời gian xử lý, cách thức truy cập, sử dụng DVCTT; cập nhật những tính năng mới, sự thay đổi về DVCTT để người dân và doanh nghiệp biết, tham gia.
3. Các thông tin về các biện pháp bảo mật và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, các tiêu chuẩn, quy định về bảo vệ dữ liệu, quyền riêng tư, các hướng dẫn giải quyết sự cố thường gặp khi sử dụng DVCTT.
4. Kinh nghiệm, giải pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng cung cấp DVCTT đã triển khai thành công, có hiệu quả trong thực tiễn tại sở, ban, ngành, địa phương. Biểu dương, tôn vinh, khen thưởng tổ chức, cá nhân triển khai DVCTT chất lượng, hiệu quả; nhân rộng mô hình tốt, cách làm hay, sáng kiến có giá trị trong triển khai DVCTT.
5. Kinh nghiệm trong triển khai DVCTT của các nước trong khu vực và quốc tế.

6. Các nội dung khác liên quan đến nâng cao nhận thức, chất lượng cung cấp, hiệu quả sử dụng DVCTT.

IV. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, phổ cập kiến thức và kỹ năng sử dụng DVCTT qua các phương tiện thông tin đại chúng, truyền thông xã hội

a) Thiết lập và phát triển các trang (tài khoản/kênh) trên các nền tảng mạng xã hội phổ biến, kết nối đa kênh, đa nền tảng để tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, phổ cập kiến thức và kỹ năng sử dụng DVCTT cho người dân, doanh nghiệp.

b) Sản xuất nội dung tin bài, ảnh, đồ họa thông tin (infographic), đồ họa chuyển động (motion graphics), video, clip tạo xu thế,... về DVCTT để đăng, phát trên các trang mạng xã hội phổ biến, các kênh, nền tảng số khác nhau và trên phương tiện truyền thông đại chúng.

c) Xây dựng, thiết lập và duy trì hoạt động hiệu quả các chuyên trang, chuyên mục trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng/trang thông tin điện tử, diễn đàn trực tuyến trên các trang mạng xã hội.

d) Sản xuất các chương trình, phim, bài hát, phóng sự, chương trình trao đổi, đối thoại, chuyên đề chuyên sâu trên hệ thống phát thanh, truyền hình.

đ) Tổ chức tập huấn, phổ biến cho đội ngũ phóng viên các cơ quan thông tấn, báo chí, truyền thông về các nội dung của Kế hoạch.

e) Chia sẻ kinh nghiệm trong triển khai DVCTT của các nước trong khu vực và quốc tế; tổng hợp các mô hình và giải pháp về cung cấp DVCTT trong nước; giới thiệu để nhân rộng các mô hình, giải pháp triển khai DVCTT.

2. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, phổ cập kiến thức và kỹ năng sử dụng DVCTT qua các hệ thống thông tin cơ sở

a) Thực hiện tuyên truyền theo từng điểm cung cấp dịch vụ thông tin và truyền thông, dịch vụ mạng như: các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin, các điểm phủ sóng mạng không dây, điểm truy cập Internet công cộng.

b) Tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh cơ sở, truyền hình cáp huyện và hệ thống đài truyền thanh cấp xã.

c) Tuyên truyền trên các cổng/trang thông tin điện tử, mạng nội bộ của các cơ quan, tổ chức nhà nước.

d) Tuyên truyền trực quan, sử dụng pa-nô, áp phích, tranh bích họa, bảng

tin, biển tấm lớn, đồ họa thông tin (infographic), các sản phẩm in ấn (tờ rơi, tờ gấp, danh mục (catalogue), chân đứng (standee), sách giới thiệu...), biểu trưng nhận diện ... các thông tin, thông điệp tuyên truyền về DVCTT tại các khu vực đông dân cư, tại trụ sở Bộ phận một cửa các cấp.

3. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, phổ cập kiến thức và kỹ năng sử dụng DVCTT thông qua các phương thức khác

a) Xây dựng các chiến dịch truyền thông, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phổ cập kiến thức và kỹ năng sử dụng DVCTT với quy mô lớn, đồng bộ giữa các cơ quan, tổ chức, trải rộng trên các phương tiện truyền thông đại chúng, mạng xã hội; khuyến khích sự tham gia của người nổi tiếng, người có sức ảnh hưởng với công chúng, các công ty truyền thông, tạo ra sự lan tỏa rộng rãi trong xã hội.

b) Hằng năm, tổ chức các đợt sự kiện tháng cung cấp và sử dụng DVCTT hiệu quả để tăng cường hiểu biết về DVCTT; kết hợp với tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm trao đổi, thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm; chỉ đạo Tổ công nghệ số cộng đồng tích cực tuyên truyền bằng cách “đi từng ngõ, gõ từng nhà”, hướng dẫn từng người sử dụng DVCTT.

c) Tập trung, đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến về DVCTT hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10 hằng năm. Tổ chức các cuộc thi, hội thi về tuyên truyền viên DVCTT giỏi trực tiếp hoặc trực tuyến để tìm kiếm các giải pháp, mô hình, hoạt động truyền thông, tuyên truyền về DVCTT sáng tạo, hiệu quả trong cộng đồng.

d) Thực hiện tuyên truyền thông qua hình thức nhắn tin, thông báo với sự tham gia của các doanh nghiệp viễn thông, các mạng xã hội nhằm giới thiệu, gợi ý và hướng dẫn cho người dân sử dụng DVCTT theo nhu cầu.

đ) Xây dựng và vận hành chuyên mục về DVCTT; cung cấp đầy đủ thông tin, công cụ và tài liệu đa dạng các đối tượng trên nền tảng học trực tuyến mở đại trà.

e) Phối hợp với các cơ quan đại diện của nước ngoài tại Việt Nam, các tổ chức quốc tế, quốc gia trong khu vực và trên thế giới nhằm triển khai các chương trình tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phổ cập kiến thức và kỹ năng sử dụng DVCTT.

g) Tổ chức đánh giá, công bố và tuyên truyền các sản phẩm, giải pháp cung cấp DVCTT bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, chất lượng để cơ quan, tổ chức trong nước và các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam biết đến và ưu tiên sử dụng.

h) Xây dựng, thiết lập các hệ thống kỹ thuật, công cụ ứng dụng công nghệ hiện đại phục vụ công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phổ cập kiến thức và kỹ năng sử dụng DVCTT như:

- Trang bị các phương tiện, thiết bị, phần mềm phục vụ công tác tuyên truyền.

- Xây dựng hệ thống công nghệ truyền thông, tuyên truyền chủ động, tự động sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI), hệ thống tương tác tự động (chatbot) để hướng dẫn, hỗ trợ và giải đáp thắc mắc của người dân khi sử dụng DVCTT.

- Xây dựng và thiết lập nền tảng số để tăng cường tương tác, trao đổi giữa cơ quan nhà nước với người dân trong quá trình cung cấp, sử dụng DVCTT để cải tiến chất lượng của dịch vụ, cụ thể:

- + Thu thập, tổng hợp và công bố ý kiến phản hồi, đánh giá của người dân về DVCTT thông qua Nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Nền tảng VNForm do Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai hoặc qua chức năng Hỏi - đáp, khảo sát ý kiến người dùng trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

- + Đôn đốc và giám sát việc xử lý của cơ quan nhà nước cung cấp DVCTT về các ý kiến phản hồi, đánh giá của người dân.

- i) Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của người dân về DVCTT và hỗ trợ người dân tiếp cận, thực hiện đối với DVCTT được cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tại các điểm phục vụ bưu chính công cộng và tại Bộ phận một cửa các cấp.

- k) Biểu dương, tôn vinh, khen thưởng các tổ chức, cá nhân cung cấp DVCTT chất lượng, hiệu quả và thu hút được sự tham gia rộng rãi nhất của người dân, doanh nghiệp theo quy định pháp luật về thi đua khen thưởng.

4. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, phổ cập kiến thức và kỹ năng sử dụng DVCTT tại các cơ sở giáo dục

- a) Rà soát chương trình, nội dung, thời lượng giảng dạy và biên tập tài liệu, hướng dẫn về DVCTT lồng ghép vào môn tin học, hoạt động ngoại khóa phù hợp với lớp học, cấp học (từ trung học cơ sở đến trung học phổ thông), bảo đảm:

- Tuyên truyền, phổ biến cho học sinh hiểu về DVCTT, biết cách truy cập và tự sử dụng DVCTT phù hợp với lứa tuổi.

- Hướng dẫn học sinh phổ biến cho người thân trong gia đình truy cập, sử dụng DVCTT khi cần.

- Các biện pháp tuyên truyền, phổ biến nhận thức, kỹ năng sử dụng DVCTT dưới các hình thức trực quan, dễ hiểu, sinh động theo lứa tuổi.

- b) Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về DVCTT cho các nhóm đối tượng khác nhau là học sinh, sinh viên, học viên của các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục thường xuyên.

c) Tổ chức các cuộc thi thiết kế áp phích, thiết kế mô hình, các video đa phương tiện về DVCTT cho các đối tượng từ trung học cơ sở tới đại học.

5. Nâng cao chất lượng cung cấp DVCTT

a) Tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề hoặc lồng ghép vào các hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số của bộ, ngành, địa phương để truyền thông cho cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước về vai trò, ý nghĩa, lợi ích của DVCTT.

b) Tổ chức hoặc cử cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp tham gia thiết kế, quản trị, vận hành, khai thác sử dụng hệ thống thông tin giải quyết TTHC tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cập nhật kiến thức.

c) Rà soát, nâng cấp, thiết kế, thiết kế lại giao diện, trải nghiệm người dùng của hệ thống giải quyết TTHC, ưu tiên các dịch vụ công thiết yếu, có nhiều người sử dụng. Đặc biệt chú trọng tới việc cung cấp thông tin hướng dẫn đơn giản, trực quan, dễ hiểu, dễ làm, giúp người dân có thể tự hiểu và tự thực hiện một cách dễ dàng, thuận tiện.

d) Triển khai Kho dữ liệu điện tử của cá nhân, tổ chức trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để lưu giữ dữ liệu giải quyết dịch vụ công, phục vụ chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu trong thực hiện dịch vụ công.

Định kỳ rà soát, cập nhật, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan nhà nước để giảm việc người dân, doanh nghiệp phải cung cấp lại thông tin khi thực hiện DVCTT.

đ) Định kỳ rà soát, nâng cấp, thuê, mua dịch vụ các hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh bảo đảm hoạt động ổn định, triển khai đầy đủ quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

e) Thực hiện các khảo sát và đánh giá định kỳ bằng các công cụ kỹ thuật để đo lường sự hài lòng và nhu cầu của người dân khi sử dụng DVCTT.

g) Đánh giá, giám sát định kỳ chất lượng kỹ thuật, hiệu quả hoạt động của các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo quy định; Công bố xếp hạng và tuyên truyền, tôn vinh các giải pháp có chất lượng tốt, kịp thời hỗ trợ, đôn đốc đối với các hệ thống còn yếu kém, chưa phục vụ tốt người dân, doanh nghiệp.

h) Cung cấp các giải pháp, nền tảng hỗ trợ bộ, ngành, địa phương có thể theo dõi hiệu quả hoạt động, từ đó xác định những điểm còn hạn chế, có kế hoạch đưa ra các phương án nâng cao chất lượng và hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

i) Đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công dựa trên dữ liệu. Định kỳ hằng tháng,

công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

6. Định hướng nội dung, hoạt động và xây dựng, biên tập các tài liệu tuyên truyền thuộc phạm vi của Kế hoạch

a) Hằng năm xây dựng định hướng và hướng dẫn thực hiện các hoạt động tuyên truyền chung của Kế hoạch.

b) Xây dựng và biên tập tài liệu tuyên truyền sử dụng chung cho các đối tượng và theo chủ đề, chuyên đề phù hợp với từng nhóm đối tượng khác nhau thuộc phạm vi của Kế hoạch. Chia sẻ rộng rãi để các cơ quan, đơn vị có thể khai thác, sử dụng chung.

Đối với đối tượng là người cao tuổi, đồng bào các dân tộc thiểu số, người dân vùng sâu, vùng xa, biên giới, nhóm yếu thế cần xây dựng cẩm nang, video nhận thức cơ bản, hướng dẫn truy cập, sử dụng các dịch vụ công thiết yếu hoặc phát trên các kênh truyền thông xã hội, phương tiện truyền thông đại chúng và báo chí phù hợp với năng lực nhận thức, tiếp cận thông tin, có bản chuyển tiếng dân tộc.

c) Duy trì, nâng cấp và bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống lưu trữ, chia sẻ và quảng bá các tài liệu tuyên truyền thuộc phạm vi Kế hoạch.

d) Thiết lập, duy trì kênh liên lạc và cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền tới các trang/kênh tuyên truyền của sở, ban, ngành, địa phương và tổ chức, doanh nghiệp.

đ) Thiết lập mạng lưới cộng tác viên tham gia tiếp nhận thông tin, lắng nghe, phát hiện các ý kiến phản hồi, các vướng mắc khó khăn của người dân khi sử dụng DVCTT để xây dựng các biện pháp thông tin, tuyên truyền hiệu quả.

e) Xây dựng hoặc thuê dịch vụ thiết lập, duy trì, vận hành, phát triển các kênh tiếp nhận phản ánh, hỗ trợ, tư vấn về DVCTT cho người dân.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí triển khai Kế hoạch được bố trí trong dự toán chi thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên hằng năm của các cơ quan, đơn vị theo khả năng cân đối ngân sách và phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước; nguồn kinh phí lồng ghép thông qua các chương trình, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nguồn tài trợ, viện trợ và huy động từ xã hội, cộng đồng theo quy định của pháp luật; các nguồn kinh phí hợp pháp khác (*Dự toán kinh phí kèm theo*).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch.

b) Phối hợp với Ban Tuyên giáo tỉnh và các cơ quan liên quan chỉ đạo, định hướng, cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí, xuất bản, hệ thống thông tin cơ sở.

c) Chủ trì triển khai thực hiện nhiệm vụ tại điểm a, b, e khoản 1; điểm a, c, đ, e, g, h, k khoản 3; điểm e, g, h khoản 5; điểm a, c, d khoản 6 thuộc phần IV của Kế hoạch này.

d) Chỉ đạo các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh thực hiện nhiệm vụ tại khoản 1 và điểm b khoản 6 thuộc phần IV của Kế hoạch này.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và các cơ quan để thực hiện nhiệm vụ tại khoản 4 thuộc phần IV của Kế hoạch này.

3. Sở Tài chính

Căn cứ Kế hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối ngân sách hằng năm, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp thẩm quyền nguồn kinh phí thực hiện, trên cơ sở lồng ghép nguồn vốn chi thường xuyên được giao, nguồn vốn các Chương trình, dự án theo quy định về phân cấp của Luật Ngân sách Nhà nước.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp vốn đầu tư công để triển khai các nhiệm vụ, dự án của Đề án theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn liên quan.

5. Văn phòng UBND tỉnh

a) Chủ trì triển khai tuyên truyền, phổ biến về nâng cao chất lượng cung cấp và sử dụng hiệu quả DVCTT trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

b) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện và cập nhật, công bố kết quả đánh giá Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử (tại mục i khoản 5 thuộc phần IV Kế hoạch này) theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Sở Nội vụ

Lồng ghép nội dung tuyên truyền, phổ biến về nâng cao chất lượng cung cấp và sử dụng hiệu quả DVCTT trong công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính thuộc Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

7. Công an tỉnh

Lồng ghép nội dung tuyên truyền, phổ biến về nâng cao chất lượng cung cấp và sử dụng hiệu quả DVCTT trong công tác thông tin, tuyên truyền về Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

8. Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện nhiệm vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mình tại khoản 1 và điểm b khoản 6 thuộc phần IV của Kế hoạch này.

b) Chủ động bố trí chuyên mục, kênh phát sóng, thời gian phát sóng chương trình về DVCTT thích hợp để thu hút được sự quan tâm theo dõi của nhiều đối tượng cần tuyên truyền.

c) Thực hiện tuyên truyền, phổ biến về DVCTT trên các trang mạng xã hội do cơ quan, đơn vị sở hữu, quản lý.

d) Tham gia các chiến dịch tuyên truyền do Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông phát động.

đ) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giáo dục và Đào tạo và sở, ban, ngành, địa phương liên quan để triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch.

9. Sở, ban, ngành tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang

a) Xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện hoặc lồng ghép nội dung thực hiện vào Kế hoạch tuyên truyền hằng năm của sở, ban, ngành để triển khai hiệu quả, thiết thực và đáp ứng yêu cầu tiến độ.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo, định hướng, cung cấp thông tin, tư liệu liên quan đến công tác tuyên truyền, phổ biến về DVCTT thuộc phạm vi quản lý của sở, ban, ngành.

c) Chủ trì triển khai thực hiện nhiệm vụ tại điểm b, c, e khoản 1; điểm a, c, d khoản 2; điểm a, b, c, d, đ, h, i, k khoản 3; điểm a, b, c, d, đ, e khoản 5; điểm b, c, đ, e khoản 6 thuộc phần IV của Kế hoạch này để tuyên truyền, phổ biến về DVCTT thuộc phạm vi quản lý của sở, ban, ngành.

d) Hằng năm, tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch này tại sở, ban, ngành; gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, theo dõi.

đ) Ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc phạm vi Kế hoạch và các hoạt động chỉ đạo, điều hành triển khai Kế hoạch, huy động các nguồn lực tài chính từ xã hội và các nguồn kinh phí khác.

10. UBND huyện, thị xã, thành phố

a) Xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện hoặc lồng ghép nội

dùng thực hiện vào Kế hoạch tuyên truyền hằng năm của địa phương để triển khai hiệu quả, thiết thực và đáp ứng yêu cầu tiến độ.

b) Chỉ đạo các cơ quan chức năng trên địa bàn triển khai thực hiện công tác tuyên truyền phù hợp với yêu cầu, tình hình thực tế tại địa phương.

c) Chủ trì triển khai thực hiện nhiệm vụ tại điểm b, c, d, e khoản 1; khoản 2; điểm a, b, c, d, đ, h, i, k khoản 3; điểm a, b, c, d, đ, e khoản 5; điểm b, c, đ, e khoản 6 thuộc phần IV của Kế hoạch này để tuyên truyền, phổ biến về DVCTT thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

d) Hằng năm, tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch này tại địa phương; gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, theo dõi.

đ) Ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc phạm vi Kế hoạch và các hoạt động chỉ đạo, điều hành triển khai Kế hoạch, huy động các nguồn lực tài chính từ xã hội và các nguồn kinh phí khác.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả DVCTT đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Báo An Giang, Đài PTTH An Giang;
- VP. UBND tỉnh: LĐVP, phòng, ban, trung tâm;
- Lưu: VT, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Phước